CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Phụ lục 06

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2011

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THĂNG BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND Ngày17/12/2010 của UBND tỉnh Quảng Nam)

I- Bảng giá đất nông nghiệp:

1- Đất trồng lúa nước:

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	35.000	30.000	25.000
2	31.000	26.000	22.000
3	26.000	23.000	19.000
4		20.000	16.000
5		17.000	13.000

2- Đất trồng cây hằng năm:

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	30.000	26.000	23.000
2	26.000	23.000	20.000
3	22.000	20.000	17.000
4		17.000	14.000
5		14.000	11.000

3- Đất trồng cây lâu năm:

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	33.000	29.000	25.000
2	29.000	25.000	22.000
3	24.000	22.000	19.000
4		19.000	16.000
5		15.000	12.000

4- Đất rừng sản xuất:

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	24.000	21.000	19.000
2	21.000	19.000	16.000
3	18.000	16.000	14.000
4		14.000	11.000

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

5		11.000	9.000

5- Đất nuôi trồng thuỷ sản:

Vị trí	Xã đồng bằng	Xã Trung du	Xã Miền núi
1	30.000	26.000	23.000
2	26.000	23.000	20.000
3	22.000	20.000	17.000
4		17.000	14.000
5		14.000	11.000

II- Bảng giá đất ở:

1- Bảng giá đất ở nông thôn:

1.1- Bảng giá chuẩn:

Vị Trí	Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
	Đồng bằng	Trung du	Miền núi	Đồng bằng	Trung du	Miền núi	Đồng bằng	Trung du	Miền núi
VT1	1.600.000	300.000	250.000	300.000	60.000	48.000	48.000	26.000	30.000
VT2	800.000	180.000	120.000	180.000	40.000	40.000	40.000	24.000	28.000
VT3	500.000	120.000	60.000	120.000	38.000	35.000	35.000	21.000	24.000
VT4	400.000	60.000	40.000	60.000	36.000	33.000	33.000	20.000	20.000
VT5	300.000	50.000	35.000	45.000	33.000	31.000	30.000	19.000	16.000
VT6	200.000	40.000	33.000	-	30.000	28.000	28.000	18.000	14.000
VT7	100.000	35.000	30.000	-	28.000	26.000	26.000	-	12.000

1.2- Bảng giá đất ở nông thôn chi tiết:

TT	Ranh giới, địa phương	Khu vực	Vị trí	Hệ số	Giá năm 2011
1	**XÃ BÌNH NGUYÊN (ĐB)**				
A	**Tuyến Quốc lộ 1A**				
	Ranh giới Quế Sơn đến nhà bà Xây	1	1	0,70	**1.120.000**
	Từ nhà bà Xây đến Đường lên lò gạch ông Trà	1	2	1,20	**960.000**
	Đường lên lò gạch ông Trà – Giáp khu KTQĐ XNLN (cũ)	1	1	0,85	**1.360.000**
	Phía bắc khu KTQĐ khu XNLN (cũ) - hết kênh N_{22}.	1	1	1,20	**1.920.000**
B	**Tuyến huyện lộ (ĐH)**				

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Tuyến Bình Nguyên - Bình Dương (ĐH11)				
	Quốc lộ 1A - Kênh bêtông	1	2	1,00	**800.000**
	Kênh bêtông - phía Tây trường mẫu giáo Bình Nguyên	1	4	0,90	**360.000**
	Từ trường Mẫu giáo B/Nguyên- Ranh giới B/Phục	1	5	0,90	**270.000**
	Tuyến ĐT 613 – Bình Nguyên (ĐH16)				
	Cống qua kênh N22 (gần nhà ông Sơn) - Đường TNN Bình Nguyên	1	6	0,70	**140.000**
	Đường cứu nạn cứu hộ:				
	Quốc lộ 1A -hết khu khai thác quỹ đất	1	3	1,20	**600.000**
	Hết khu khai thác quỹ đất- Giáp xã Bình Phục	1	6	1,20	**240.000**
C	**Các tuyến còn lại**				
	Đường TNN B/Nguyên: -Từ QL1A - nhà bà Điểm	1	6	0,80	**160.000**
	Từ cổng làng văn hoá Liễu Trì – Kênh N22	1	5	0,95	**285.000**
	QL 1A (nhà ông Hội thuốc bắc)- giáp đường cổng làng văn hoá Liễu Trì	1	7	1,20	**120.000**
	Từ QL 1A (Tổ 7) – giáp đường Nguyên Dương	1	6	0,90	**180.000**
	Đường quy hoạch khu dân cư tổ 2 thôn Liễu Trì	1	5	1,00	**500.000**
	Từ QL 1A (gần nhà ông Đông) khu KTQĐ - giáp kênh bêtông	1	5	1,20	**360.000**
	Đường quy hoạch trong khu dân cư XNLN(cũ)	1	3	1,20	**600.000**
	Từ nhà ông Lưu Trí (khu XNLN cũ) - giáp kênh bêtông	1	5	0,70	**210.000**
	Từ QL 1A (gần nhà ông Vân) - giáp kênh bêtông	1	5	0,80	**240.000**
	Đường quy hoạch khu dân cư tổ 3 thôn Liễu Trì	1	4	0,80	**320.000**
	Đường từ QL 1A - hết lò gạch ông Trà	1	3	1,20	**600.000**
	Từ hết lò gạch ông Trà - giáp kênh N22/1	1	6	0,70	**140.000**
	Từ QL 1A (gần nhà bà Học) - đến giáp kênh (gần nhà bà Hoa)	1	6	0,80	**160.000**
	Từ gần trạm CSGT - giáp đường TNN Bình Nguyên	1	6	0,80	**160.000**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**

	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
2	**XÃ BÌNH PHỤC (ĐB)**				
A	**Tuyến Quốc lộ 1A**				
	Từ kênh N_{20-2} - Cầu cống Cao	1	2	0,85	**680.000**
B	**Tuyến ĐT613 (QL 14E)**				
	Giáp TT Hà Lam -Giáp bình Triều	1	2	0,80	**640.000**
	Phía Nam đường ĐT613 (QL 14E) đoạn từ phía Đông XN Cát- Cống kênh qua đường gần TBA	1	3	0,85	**425.000**
C	**Đường vào cụm CN Hà Lam - Chợ Được**				
	Đường vào Cụm Công nghiệp Hà Lam-Chợ Được (ĐT613 đến hết trục đường chính)	1	3	1,10	**550.000**
	Các đường còn lại trong cụm CN Hà Lam Chợ Được	1	3	1,00	**500.000**
D	**Tuyến Huyện lộ ĐH)**				
	Tuyến Bình Nguyên – Bình Dương (ĐH11)				
	Giáp ranh giới B/Nguyên - PaRa Bình Phục	1	5	0,70	**210.000**
	Các đoạn còn lại của tuyến Nguyên – Dương	1	7	1,00	**100.000**
F	**Đường cứu nạn, cứu hộ**				
	Giáp Bình Nguyên – giáp xã Bình Giang	1	6	1,20	**240.000**
E	**Các tuyến còn lại**				
	Từ đường ĐT613 (gần UBND xã B/ Phục)- giáp đường B/Nguyên đi B/Giang	1	7	1,00	**100.000**
	Từ đường ĐT613 (gần chợ Bình Phục) - Hết trường Nguyễn Trãi.	1	7	1,20	**120.000**
	Hết trường Nguyễn Trãi - Quốc lộ 1A	1	7	1,00	**100.000**
	Tuyến từ đường 613 (gần k/sản) - hết xí nghiệp Silyca	1	6	0,80	**160.000**
	Hết xí nghiệp Silyca - giáp đường cứu nạn cứu hộ	1	7	1,20	**120.000**
	Các đoạn còn lại của đường công ty khoáng sản	1	7	1,00	**100.000**
G	**Khu vực quanh chợ chưa có hạ tầng**	1	7	1,20	**120.000**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
I	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
K	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
3	**XÃ BÌNH TÚ (ĐB)**				
A	**Tuyến Quốc lộ 1A**				
	Từ cầu công Cao - Đường lên tổ 7/3	1	2	1,00	**800.000**
	Đường lên tổ 7/3 - Tường rào phía Nam cây xăng Bình Tú I	1	2	1,20	**960.000**
	Từ tường rào phía Nam cây xăng B/ Tú I - giáp sân vận động B.Tú	1	2	1,00	**800.000**
	Sân vận động Bình Tú (đường lên cơ quan UBND) – giáp cầu Kế Xuyên.	1	2	1,20	**960.000**
B	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Ngọc Phô – Hưng Mỹ -Bình Tịnh (ĐH9)				
	Quốc lộ 1A - cổng làng văn hóa Trường An.	1	2	1,00	**800.000**
	Từ cổng làng văn hóa Trường An - giáp nhà ông Kiều Việt Tiến tổ 4/1.	1	4	0,90	**360.000**
	Từ nhà ông Kiều Việt Tiến - nhà ông Thiện tổ 4/1 (giáp đường bê tông).	1	5	0,85	**255.000**
	Từ nhà ông Thiện - cầu dài (Trường An).	1	7	1,20	**120.000**
	Từ cầu dài Trường An - giáp ranh giới xã Bình Triều.	1	6	0,80	**160.000**
	Tuyến Ngọc Phô – Bình Chánh (ĐH10)				
	Quốc lộ 1A gần ngã ba Ngọc Phô - nhà ông Nguyễn Tấn Lễ 10/3.	1	5	0,90	**270.000**
	Từ nhà ông Nguyễn Tấn Lễ - kênh N18/12.	1	6	1,00	**200.000**
	Từ kênh N18/12 - Giáp Bình Chánh	1	7	1,00	**100.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Tuyến Bình Nam – Bình Tú (ĐH17)				
	Giáp ranh giới Bình Trung – giáp đường Ngọc Phô – Bình Tịnh	1	7	0,80	**80.000**
C	**Các tuyến còn lại**				
	Quốc lộ 1A nhà ông Tạo - giáp đường B.Tông ra nhà ông Chương (phía Bắc đường).	2	3	0,90	**108.000**
	Từ đường B.tông đường ra nhà ông Chương (phía Bắc đường) - giáp ranh giới cầu đội 9	2	3	0,70	**84.000**
	Từ giáp ranh giới cầu đội 9 - giáp ranh giới xã Bình Sa	2	3	0,70	**84.000**
	Quốc lộ 1A từ nhà bà Tâm - giáp nhà ông Hùng tổ 6/8 (phía Nam đường)	2	3	0,70	**84.000**
	Từ giáp nhà ông Hùng tổ 6/8 (phía Nam đường) - giáp cầu đội 9 (phía trong đường)	2	4	1,00	**60.000**
	Quốc lộ 1A (gần sân vận động) – giáp đường Ngọc Phô – Bình Chánh	2	3	0,70	**84.000**
	QL 1A (gần nhà thờ Công giáo – giáp đường BTông ra trường Phù Đổng	2	3	0,85	**102.000**
D	**Xung quanh chợ Ngọc Phô**	1	3	1,00	**500.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
4	**XÃ BÌNH TRUNG (ĐB)**				
A	**Quốc lộ 1A**				
	Từ cầu Kế Xuyên- giáp đường bê tông đi xuống Tú Phương (đối diện UBND xã)	1	1	0,80	**1.280.000**

	giáp đường bê tông đi xuống Tú Phương - cầu Bình Lứt	1	1	1,00	**1.600.000**
	Từ cầu Bình Lứt - Tường rào phía Nam cây xăng Tuyết Mai	1	1	0,80	**1.280.000**
	Tường rào phía Nam cây xăng Tuyết Mai- cầu Cây Nhạn	1	1	0,70	**1.120.000**
B	**Tuyến Huyện Lộ**				
	Tuyến Kế Xuyên – Tây Giang (ĐH5)				
	QL1A- giáp đường vào chợ gần nhà ông Tân (may)	1	2	1,00	**800.000**
	Giáp đường vào chợ gần nhà ông Tân may- cống dưới nhà ông Lương tổ 7 Trà Long	1	3	0,80	**400.000**
	Cống dưới nhà ông Lương tổ 1 thôn Trà Long- hết cầu Lãi Tràn thôn Tứ Sơn	1	6	1,00	**200.000**
	Hết cầu Lãi Tràn thôn Tứ Sơn- Giáp tường rào phía Tây trường cấp I Trà Sơn	1	6	1,00	**200.000**
	Giáp tường rào phía Tây trường cấp I Trà Sơn- ranh giới Bình Sa	1	7	1,00	**100.000**
	Tuyến Kế Xuyên – Hà Châu (ĐH6)				
	Từ QL1A- cống trên nhà ông Toàn tổ 5 thôn Kế Xuyên II	1	3	1,10	**550.000**
	Cống trên nhà ông Toàn tổ 5 thôn Kế Xuyên II- hết đường TNN	1	4	1,00	**400.000**
	Hết đường TNN - giáp Bình Chánh	1	6	0,75	**150.000**
	Tuyến QLô 1A – Nông trường Bình Trung (ĐH13)				
	QL1A cây xăng Tuyết Mai- Đường sắt (trong kênh N14A)	1	7	0,80	**80.000**
	QL1A cây xăng Tuyết Mai - kênh N142A trên nhà ông Ngô Sỹ Hiền	1	6	0,75	**150.000**
	kênh N142A trên nhà ông Ngô Sỹ Hiền - đường sắt (Ngoài đường BT)	1	7	1,20	**120.000**
	Tuyến Bình Nam – Bình Tú (ĐH17)				
	Giáp ranh giới Bình Nam- cầu gần nhà ông Ảnh tổ 1 thôn Tứ Sơn.	1	7	1,00	**100.000**
	Từ cầu gần nhà ông Ảnh tổ 1 thôn Tứ Sơn- hết nhà ông Tường tổ 2 thôn Tứ Sơn	1	6	0,75	**150.000**
	Giáp nhà ông Tường tổ 2 thôn Tứ Sơn- giáp ranh giới Bình Tú	1	7	0,90	**90.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

C	**Các tuyến còn lại**				
	QL1A gần nhà ông Thành tổ 3 thôn Kế Xuyên 2 - giáp ranh giới xã Bình Tú	1	6	1,00	**200.000**
	QL1A gần nhà ông Tiên (chả) tổ 3 thôn Kế Xuyên2- giáp đường quanh chợ Kế xuyên	1	3	1,00	**500.000**
	QL1A gần nhà ông Kinh tổ 3 thôn Kế Xuyên2- giáp dường quanh chợ Kế Xuyên	1	3	1,10	**550.000**
	Giáp tuyến Kế xuyên Tây Giang-giáp đường quanh chợ Kế Xuyên	1	3	1,00	**500.000**
	Nhà ông Ngô Thành Hảo tổ 3 thôn Kế Xuyên2- giáp dường quanh chợ Kế xuyên	1	6	0,80	**160.000**
	QL1A gần nhà ông Quới tổ 3 thôn Kế Xuyên2- giáp đường trước nhà ông Sơn	1	6	0,90	**180.000**
	QL1A gần nhà ông Duy tổ 5 thôn Kế Xuyên2- giáp tuyến Kế xuyên Hà Châu	1	6	1,00	**200.000**
	QL1A gần nhà ông Sơn y tế tổ 1 thôn Kế Xuyên2- tường rào phía Đông trạm y tế.	1	6	1,00	**200.000**
	QL1A gần nhà ông Đạm tổ 8 thôn Trà Long- hết nhà bà Hồ Thị Hiền	1	6	1,00	**200.000**
	Hết nhà bà Hiền - cầu suối Sạn	1	6	0,75	**150.000**
	QL1A gần nhà ông Thành tổ 9 thôn Trà Long- giáp kênh N14-2A	1	6	1,00	**200.000**
D	**Đường quanh chợ Kế Xuyên**	1	2	0,90	**720.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

5	**XÃ BÌNH AN (ĐB)**				
A	**Tuyến Quốc lộ 1A**				
	Từ cầu Cây Nhạn – đường vào UBND xã Bình An	1	1	0,70	**1.120.000**
	Từ đường vào UBND xã Bình An - Hết Bưu Điện Bình An	1	1	0,95	**1.520.000**
	Hết Bưu Điện Bình An – Hết quán cơm Bình An	1	1	0,70	**1.120.000**
	Hết quán cơm Bình An - hết trạm dừng nghỉ Đại Việt	1	2	0,70	**560.000**
	Hết trạm dừng nghỉ Đại Việt - giáp Phú Ninh	1	3	0,95	**475.000**
B	**Tuyến Huyện Lộ**				
	Tuyến Quán Gò – Bình Nam (ĐH3)				
	Từ Quốc Lộ 1A - Tường rào phía Đông trường Mẫu giáo Bình An	1	4	1,00	**400.000**
	Từ tường rào phía Đông trường Mẫu giáo Bình An – phía Đông nhà bà Tuyến	1	6	1,00	**200.000**
	Từ phía Đông nhà bà Tuyến – giáp ranh giới Bình Nam	1	7	1,20	**120.000**
	Tuyến Bình An – Bình Phú (ĐH4)				
	Từ Quốc lộ 1A - Tường rào phía Đông Nhà thờ Công Giáo	1	2	0,80	**640.000**
	Từ Tường rào phía Đông Nhà thờ Công Giáo - hết nhà ông Hùng (Nhi)	1	5	1,00	**300.000**
	Hết hết nhà ông Hùng (Nhi) - Hết quán sửa xe ông Trần Lập	1	6	0,70	**140.000**
	Hết quán sửa xe ông Trần Lập - Giáp Bình Quế	1	7	1,10	**110.000**
C	**Các tuyến còn lại**				
	Quốc Lộ 1A Xuống Chợ Quán Gò – giáp đường đi Bình Nam	1	2	0,80	**640.000**
	QL 1A (gần nhà ông Nghiệp) – giáp đường quanh chợ	1	6	1,00	**200.000**
	QL 1A vào Trung đoàn 143	1	7	1,00	**100.000**
	Quốc Lộ 1A - Nhà ông Trần Đăng Nghĩa	1	7	0,70	**70.000**
D	**Khu vực quanh chợ Quán Gò**	1	3	1,05	**525.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				

	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
6	**XÃ BÌNH QUÝ (ĐB)**				
A	**Tuyến ĐT 613 nối dài**				
	Từ cống Tư Thiết - Quốc lộ 14E	1	2	1,00	**800.000**
B	**Tuyến Quốc lộ 14E**				
	Từ giáp thị trấn - giáp phía Đông khu khai thác quỹ đất	1	3	0,80	**400.000**
	Giáp phía Đông khu khai thác quỹ đất - Đội thuế số 2	1	3	1,20	**600.000**
	Từ Đội thuế số 2 - giáp đường sắt	1	3	0,90	**450.000**
	Từ đường sắt - Cầu đường (gần nhà ông Sỏ)	1	4	0,90	**360.000**
	Từ cầu đường (gần nhà ông Sỏ) - giáp ranh giới Bình Định Bắc	1	5	1,00	**300.000**
C	**Tuyến Huyện Lộ**				
	Tuyến Bình Quý – Tiên Sơn (ĐH8)				
	Ngã ba Bình Quý - Giáp đường sắt	1	3	1,00	**500.000**
	Từ giáp đường sắt - suối Bà Ven	1	6	1,20	**240.000**
	Từ phía Nam suối Bà Ven - phía Đông nhà ông Ngô Công Sanh (tổ 18 Q.Hương)	1	6	1,00	**200.000**
	Từ phía Đông nhà ông Ngô Công Sanh - phía Đông nhà ông Hoàng (tổ 20)	1	6	1,20	**240.000**
	Từ phía Đông nhà ông Hoàng – giáp Bình Định Nam	1	6	1,20	**240.000**
D	**Các tuyến còn lại**				
	Từ Giáp TT Hà Lam (đường Dốc sỏi) – đường sắt	1	6	0,75	**150.000**
	Từ phía Tây đường sắt - Đò Hường	1	7	1,00	**100.000**
	Giáp TT Hà Lam – hết nhà ông Ba (tổ 4, Quý Mỹ)	1	7	1,00	**100.000**
	Từ hết nhà ông Ba - hết nhà ông Thái (tổ 15, Quỹ Mỹ)	1	7	0,90	**90.000**
	Từ hết nhà ông Thái - ranh giới Bình chánh	1	7	0,80	**80.000**
	Từ giáp Quốc lộ 14E (gần nhà ông Nguyễn Tấn Tâm) - giáp Bình Định Bắc	1	6	0,75	**150.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Từ ngã ba Bình Quý - nhà ông Trương Quang Pháp (tổ 7, Quý Thạnh	1	7	1,00	**100.000**
	Từ nhà ông Lộc (tổ 14, Quý Xuân) - dọc theo nhà máy nước	1	7	1,00	**100.000**
	Từ nhà ông Chiến - cầu Bà Quy	1	7	1,00	**100.000**
E	**Khu vực quanh chợ Bình Quý**	1	3	1,00	**500.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
I	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
7	**XÃ BÌNH MINH (ĐB)**				
	Tuyến Quốc lộ 14E				
	Phía tây UBND xã Bình Minh – Ranh giới Bình Đào	1	5	0,85	**255.000**
	phía Tây UBND xã Bình Minh - Ngã ba ra Đồn Biên phòng	1	4	0,90	**360.000**
	Ngã ba ra Đồn Biên Phòng – Giáp đường thanh niên (gần nhà thờ tộc Nguyễn)	1	4	0,85	**255.000**
	Tuyến ĐT 613				
	Từ Ngã ba ra Đồn Biên Phòng – Giáp đường thanh niên (gần nhà thờ tộc Hồ)	1	4	0,80	**240.000**
B	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Thanh niên ven biển				
	Giáp đường ĐT613 (gần nhà thờ tộc Hồ) - Cống qua đường (gần nhà ông Trần Mau, Bình Tân)	1	5	1,00	**300.000**
	Từ Cống qua đường (gần nhà ông Trần Mau) - nhà thờ	1	5	0,80	**240.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	tộc Trần Viết, Bình Tịnh				
	Từ hết Nhà Thờ tộc Trần Viết - giáp Bình Hải	1	5	0,7	**210.000**
	Giáp đường ĐT613 (gần nhà thờ tộc Hồ) - giáp xã Bình Dương	1	5	0,7	**210.000**
C	**Đường đến Đồn Biên phòng 264**				
	Giáp đường Thanh Niên (gần nhà Thờ Tộc Nguyễn) - ra Đồn Biên phòng	1	5	1,05	**315.000**
	Tuyến Ngọc Phô – Bình Tịnh (ĐH9)				
	Giáp ranh giới Bình Đào – giáp đường Thanh niên	2	4	1,20	**72.000**
D	**Các tuyến còn lại**				
	Giáp đường QL 14E (gần nhà ông Lồng) – Bãi cá Tân An	1	6	0,70	**140.000**
	Giáp QL 14E (đối diện chợ Bình Minh) – Giáp đường Thanh Niên (Trường Phan Đình Phùng)	1	6	1,00	**200.000**
D	**Khu vực quanh chợ mới Bình Minh**	1	6	0,75	**150.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
I	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
8	**XÃ BÌNH DƯƠNG (ĐB)**				
A	**Tuyến QL 14E**				
	Từ đường Đông Trường Giang (Bình Dương) - Giáp ranh giới Bình Minh	1	6	1,00	**200.000**
B	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Thanh niên ven biển				
	Từ giáp QL 14E(gần nhà ông Yên - Giáp huyện Duy	1	5	0,70	**210.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Xuyên				
	Tuyến cứu nạn, cứu hộ (ĐH11)				
	Từ đầu cầu sông Trường Giang – đường ĐT613	1	6	0,95	**190.000**
	Tuyến Đông Trường Giang (Từ Bình Đào – Duy Nghĩa)	1	7	0,75	**75.000**
C	**Các tuyến còn lại**				
	Đường ra bến cá (Từ nhà ông Yên-Biển)	1	7	0,85	**85.000**
D	**Khu vực quanh chợ Lạc câu**	1	7	1,20	**120.000**
E	**Quanh chợ Bàu Bính**	1	7	0,75	**75.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
I	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
9	**XÃ BÌNH ĐÀO (ĐB)**				
A	**Tuyến QL 14E**				
	Giáp Bình Minh – Phía Đông nhà thờ tộc Cao	1	6	0,90	**180.000**
	Phía Đông nhà thờ tộc Cao - Kênh N_{22}	1	4	0,85	**340.000**
	Kênh N_{22} - cầu Máng Bình Đào	1	3	1,00	**500.000**
	Cầu Máng Bình Đào – Giáp xã Bình Triều	1	4	0,85	**340.000**
B	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Đông Trường Giang (ĐH2)	1	6	0,70	**140.000**
	Tuyến Ngọc Phô – Bình Tịnh (ĐH9)				
	Rang giới Bình Triều (cầu Bà Gần) - giáp đường Đông Trường Giang	1	6	0,70	**140.000**
	Giáp đường Đông Trường Giang - ranh giới Bình Minh	2	4	1,20	**72.000**

C	**Các tuyến còn lại**				
	Giáp đường QL14E – hết trường Nguyễn Thị Minh Khai	1	6	1,00	**200.000**
D	**Khu vực quanh chợ Trà Đóa**	1	5	0,90	**270.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
10	**XÃ BÌNH TRIỀU (ĐB)**				
A	**Tuyến Quốc lộ 14E**				
	Giáp xã Bình Đào - Chùa Phước Ấm	1	5	1,20	**360.000**
	Chùa Phước ấm – Cầu trên Xí nghiệp Gốm	1	2	1,00	**800.000**
	Cầu trên XN Gốm - ranh giới Bình Phục	1	2	0,80	**640.000**
B	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Tây Trường Giang (ĐH1)				
	Từ cầu ngoài chợ Được - trường cấp 1 Đoàn Bường - Giáp 14E	1	5	0,80	**240.000**
	Từ cầu chợ Được – hết nhà ông Vương Dân	1	6	0,80	**160.000**
	Hết nhà ông Vương Dân - cầu gần nhà hai Sách	1	6	0,70	**140.000**
	Phía Nam chùa Phước Ấm - Cầu gần nhà ông Phương	1	6	1,20	**240.000**
	Từ Cầu gần nhà ông Phương – Quán cà phê Lê Lợi	1	7	1,20	**120.000**
	Quán Café Lê Lợi - ngã ba xuống cầu Bà Gần (gần nhà ông Nhâm)	1	7	1,00	**100.000**
	Từ ngã ba xuống cầu Bà Gần (gần nhà ông Nhâm) - cống ranh giới Bình Sa - Bình Triều	1	6	1,10	**220.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Tuyến Ngọc Phô – Bình Tịnh (ĐH9)				
	Tường rào phía Tây cơ quan Thôn 1 - giáp Bình Tú	1	6	0,80	**160.000**
	Tường rào phía Tây cơ quan Thôn 1 - Giếng đôi (trước trường Lê Hồng Phong)	1	6	1,10	**220.000**
	Giếng đôi (trước trường Lê Hồng Phong)– Giáp chợ Hưng Mỹ	1	7	1,20	**120.000**
	Giáp chợ Hưng Mỹ - cầu Bà Gần	1	7	1,00	**100.000**
C	**Các tuyến còn lại**				
	Sau nhà ông Bùi Ưu đến nhà ông Trương Công Anh	2	3	1,00	**120.000**
	Từ trạm Q lý đường sông đến giáp Bình Giang	2	3	0,80	**96.000**
	Khu vực quanh chợ Được cũ	1	5	0,90	**270.000**
D	**Khu vực quanh chợ Được mới**	1	4	1,00	**400.000**
	Kiệt từ DT 613đến chợ được mơi	1	7	1,20	**120.000**
E	**Khu vực quanh chợ Hưng Mỹ**	1	6	0,70	**140.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
I	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
11	**XÃ BÌNH GIANG (ĐB)**				
A	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Tây Trường Giang (ĐH1)				
	Từ Chợ Bà (mới) - Hết chợ Bà (cũ) - giáp đường lên khu kinh tế mới Bình Giang	1	6	1,10	**220.000**
	Giáp ngã ba lên khu kinh tế mới Bình Giang – ngã ba gần nhà ông Phước	1	6	0,90	**180.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Ngã ba gần nhà ông Phước – Ranh giới Bình Triều	1	6	0,70	**140.000**
	Từ nhà bà Đoan đến giáp Duy Thành	1	7	1,20	**120.000**
	Tuyến Quế Phú - Chợ Bà (ĐH12)				
	Ranh giới Quế Phú - Giáp Tây Trường Giang	1	7	1,20	**120.000**
	Từ ngã tư giáp đường khoáng sản đến nhà ông nguyễn Đình Mức thôn 1	1	7	1,20	**120.000**
	Tuyến Bình Nguyên – Bình Dương (ĐH11)	1	7	1,00	**100.000**
	Tuyến cứu hộ cứu nạn (Bnguyên-BDương)	1	6	1,00	**200.000**
B	**Khu vực quanh chợ Bà**	1	6	1,10	**220.000**
C	**Khu vực quanh chợ chưa có hạ tầng**	1	7	0,90	**90.000**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
12	**XÃ BÌNH SA (ĐB)**				
A	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Tây Trường Giang (ĐH1)				
	Cống ranh giới B/Sa, B/Triều – Nhà thờ tộc Lê (gần nhà ông Đây)	1	6	1,00	**200.000**
	Từ nhà thờ tộc Lê (gần nhà ông Đây) - hết nhà ông Bùi Duy Khôi	1	7	1,00	**100.000**
	Từ hết nhà ông Bùi Duy Khôi - hết nhà ông Bùi Duy	1	7	1,20	**120.000**
	Từ hết nhà ông Bùi Duy - đến Cầu gần nhà ông Trương Nhị	1	7	1,00	**100.000**

	Từ Cầu gần nhà ông Trương Nhị - Cầu gần nhà ông Hồ Luận	1	7	1,20	**120.000**
	Từ tường rào phía Nam trường cấp 1 Tây Giang - cống nhà ông Hiền	1	6	0,75	**150.000**
	Từ Cống nhà ông Hiền - giáp ranh giới xã Bình Nam	1	7	1,00	**100.000**
	Tuyến Kế Xuyên – Tây Giang (ĐH5)				
	Từ chợ Tây Giang - nhà ông May	1	7	0,80	**80.000**
	Từ nhà ông May - kênh N_1	1	7	1,20	**120.000**
	Từ kênh N_1 - giáp Bình Trung	1	7	1,00	**100.000**
	Tuyến Bình Sa – Bình Hải (ĐH14)				
	Từ Cầu Bà Huê - hết nhà ông Đoàn Ngọc Linh	1	7	1,20	**120.000**
	Từ hết nhà ông Đoàn Ngọc Linh - phía Tây nhà ông Chưởng	1	7	1,00	**100.000**
	Từ phía Tây nhà ông Chưởng - giáp ranh giới Bình Hải	1	7	1,20	**120.000**
B	**Khu vực quanh chợ Tây Giang và Bến Đá**	1	7	1,00	**100.000**
C	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
13	**XÃ BÌNH NAM (ĐB)**				
A	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Thanh Niên ven biển	1	6	0,80	**160.000**
	Tuyến Quán Gò - Bình Nam (ĐH3)				
	Từ cổng tổ 2 Nghĩa Hoà - phía Nam cầu Mương Làng	1	7	1,00	**100.000**
	Phía Đông nhà ông Sang - Tường rào phía đông NTLS	1	7	1,20	**120.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Bình Nam				
	Phía Tây trường Hoàng Văn Thụ - Hết nhà ông ĐàTổ4 thôn Thái Đông (phía Tây ngã tư trong chợ Bàu Chét)	1	7	1,20	**120.000**
	Các đoạn còn lại của tuyến Quán Gò - Bình Nam	1	7	0,80	**80.000**
	Tuyến Tây Trường Giang (ĐH1)	1	7	0,80	**80.000**
	Tuyến Bình Nam – Bình Tú (ĐH17)				
	Từ thôn Tịch Yên – giáp ranh giới Bình Trung	1	7	0,80	**80.000**
B	**Khu vực quanh chợ Bình Nam**	1	7	1,20	**120.000**
C	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
14	**XÃ BÌNH HẢI (ĐB)**				
A	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Thanh niên ven biển	1	6	0,80	**160.000**
	Tuyến Đông Trường Giang (ĐH2)				
	Ranh giới Bình Đào – giáp nhà ông Đại	1	7	0,75	**75.000**
	Từ nhà ông Đại - nhà ông Nương	1	7	0,85	**85.000**
	Các đoạn còn lại của tuyến Đông Trường Giang	1	7	0,70	**70.000**
	Tuyến Bình Sa – Bình Hải (ĐH14)				
	Đoạn từ ranh giới Bình sa - Giáp nhà Ông Đại	1	7	0,90	**90.000**
B	**Các tuyến còn lại**				
	Giáp Đông Trường Giang (đối diện nhà ông Được) - biển	2	4	1,00	**60.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

C	**Khu vực quanh chợ Bình Hải**	2	4	1,00	**60.000**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,20	**72.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên tổ, liên xóm còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các khu vực còn lại	2	4	0,90	**54.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,10	**66.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các khu vực còn lại	2	5	1,08	**48.600**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn còn lại	2	4	0,90	**54.000**
	Các đường liên tổ liên xóm còn lại	2	5	1,08	**48.600**
	Các khu vực còn lại	2	5	0,96	**43.200**
15	**XÃ BÌNH ĐỊNH BẮC (TRUNG DU)**				
A	**Tuyến Quốc Lộ 14E**				
	Giáp Bình Quý - giáp cầu ông Triệu	**1**	**2**	**1,20**	**216.000**
	Câu ông Triệu - Kênh N_1 Cơ Bình (Kênh Chính Đông)	1	1	0,90	**270.000**
	Kênh N_1 Cơ Bình - Tường rào phía Đông trường Cấp 3 Bình Trị	1	2	1,1	**198000**
	Tường rào phía Đông Trường Cấp 3 B/Trị - Đường thâm nhập nhựa vào chợ Vinh Huy (Nam đường)	1	1	1,2	**360000**
	Từ đường TNN vào Vinh Huy - Tường rào phía Đông UBND xã Bình Lãnh	1	2	0,90	**162.000**
B	**Tuyến Huyện Lộ**				
	Tuyến Bình Trị - Tiên Sơn (ĐH15)				
	Từ giáp Quốc lộ 14E - hết đường thâm nhập nhựa	1	2	1,00	**180.000**
C	**Các tuyến còn lại**				
	Tuyến từ QL14E (trên cầu ông Triệu) – Giáp Bình Định Nam	1	3	0,80	**96.000**
	Quốc lộ 14E (gần cầu ông Triệu) – Xuân An	2	1	0,90	**54.000**
	Hết đường thâm nhập nhựa - nhà ông Thanh (Tổ 1 thôn Xuân Thái Tây)	1	3	0,80	**96.000**
	Tuyến giáp xã Quế Châu, Quế Thuận đi chợ nón (Quế Sơn)	2	1	0,90	**54.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

D	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn	1	5	1,10	**55.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	5	1,00	**50.000**
	Các khu vực còn lại	2	3	1,10	**41.800**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,10	**55.000**
	Các đường liên thôn	1	5	0,90	**45.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	6	1,00	**40.000**
	Các khu vực còn lại	1	6	0,90	**36.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,00	**50.000**
	Các đường liên thôn	1	7	1,20	**42.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	7	1,10	**38.500**
	Các khu vực còn lại	2	6	1,10	**33.000**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	6	1,10	**44.000**
	Các đường liên thôn	2	7	1,10	**38.500**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,10	**30.800**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,20	**25.200**
I	**Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,00	**38.000**
	Các đường liên thôn	2	6	1,10	**33.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,00	**28.000**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,10	**23.100**
16	**XÃ BÌNH ĐỊNH NAM (TRUNG DU)**				
A	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Bình Quý – Tiên Sơn (ĐH8)				
	Bình Quý – Cầu Thanh Đăng	1	3	0,90	**108.000**
	Cầu Thanh Đăng - Cống ngõ 6 Cang	1	3	0,90	**108.000**
	Từ cống ngõ 6 Cang – Hà Châu (gần nhà ông Ngọc)	1	3	1,25	**150.000**
	Tuyến Hà Châu – Bình Lãnh (ĐH7)				
	Từ cầu Hà Châu đến dưới mương thông hào(nhà ông Danh)	1	3	1,00	**120.000**
	Từ mương thông hào(nhà ông Danh)- Kênh Phước Hà (hết nhà ông Dự)	1	3	0,90	**108.000**

	Kênh Phước Hà (hết nhà ông Dự) - Ngã tư thôn Hưng Lộc (Nhà ông Nguyễn Viết Bảy)	1	3	1,00	**120.000**
	Ngã tư thôn Hưng Lộc (Nhà ông Nguyễn Viết Bảy) - Giáp Bình Trị	1	3	0,90	**108.000**
B	**Các tuyến còn lại**				
	Bình Định Bắc (trên cầu bà Đặng) – giáp cầu mương máng	2	4	1,20	**72.000**
	Từ cầu mương máng - Chùa Đồng Châu	1	1	1,00	**120.000**
	Các đường liên xã còn lại	2	1	1,20	**72.000**
	Từ nhà ông Dũng (Tổ 5 thôn Châu Xuân Đông) - Ngã tư UBND xã	1	3	0,80	**96.000**
	Từ ngã tư thôn Hưng Lộc (nhà ông Nguyễn Viết Bảy) - Đập Đông Tiễn	1	3	0,80	**96.000**
C	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn	1	5	1,10	**55.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	5	1,00	**50.000**
	Các khu vực còn lại	2	3	1,10	**41.800**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,10	**55.000**
	Các đường liên thôn	1	5	0,90	**45.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	6	1,00	**40.000**
	Các khu vực còn lại	1	6	0,90	**36.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,00	**50.000**
	Các đường liên thôn	1	7	1,20	**42.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	7	1,10	**38.500**
	Các khu vực còn lại	2	6	1,10	**33.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	6	1,10	**44.000**
	Các đường liên thôn	2	7	1,10	**38.500**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,10	**30.800**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,20	**25.200**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,00	**38.000**
	Các đường liên thôn	2	6	1,10	**33.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,00	**28.000**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,10	**23.100**
17	**XÃ BÌNH TRỊ (TRUNG DU)**				
A	**Tuyến Quốc lộ 14E**				
	Kênh N_1 Cơ Bình - Tường rào phía Đông trường Cấp 3 Bình Trị	1	2	1,10	**198.000**
	Tường rào phía Đông Trường Cấp 3 B/Trị - Đường TNH vào chợ Vinh Huy	1	1	1,20	**360.000**
	Đường TNN vào chợ Vinh Huy - Tường rào phía Đông UBND xã Bình Lãnh	1	2	1,00	**180.000**
B	**Tuyến Huyện lộ**				
	Tuyến Bình Trị - Tiên Sơn (ĐH15)				
	Từ giáp Quốc lộ 14E - hết đường thâm nhập nhựa	1	2	1,10	**198.000**
	Hết đường thâm nhập nhựa - đến giáp đường quanh chợ Vinh Huy	1	3	1,00	**120.000**
	Các đoạn còn lại của tuyến Bình Trị - Tiên Sơn	1	4	1,20	**72.000**
	Tuyến Hà Châu – Bình Lãnh (ĐH7)				
	Giáp ranh giới xã Bình Định Nam - Giáp ranh giới xã Bình Lãnh	2	1	1,00	**60.000**
C	**Khu vực quanh chợ Vinh Huy**	1	3	0,90	**108.000**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn	1	5	1,10	**55.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	5	1,00	**50.000**
	Các khu vực còn lại	2	3	1,10	**41.800**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,10	**55.000**
	Các đường liên thôn	1	5	0,90	**45.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	6	1,00	**40.000**
	Các khu vực còn lại	1	6	0,90	**36.000**
F	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,00	**50.000**
	Các đường liên thôn	1	7	1,20	**42.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	7	1,10	**38.500**
	Các khu vực còn lại	2	6	1,10	**33.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	6	1,10	**44.000**

	Các đường liên thôn	2	7	1,10	**38.500**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,10	**30.800**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,20	**25.200**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,00	**38.000**
	Các đường liên thôn	2	6	1,10	**33.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,00	**28.000**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,10	**23.100**
18	**XÃ BÌNH QUẾ (TRUNG DU)**				
	Tuyến Huyện lộ				
A	**Tuyến Bình An – Bình Phú (ĐH4)**				
	Giáp Bình An - ngã 3 phía Đông chợ Đo Đo (cũ)	1	3	0,90	**108.000**
	Ngã ba phía Đông chợ Đo Đo (cũ) - hết nhà ông Lai	1	2	0,90	**162.000**
	Từ nhà ông Lai đến nhà ông Ba (điện)	1	3	0,70	**84.000**
	Từ nhà ông Ba (điện) đến giáp bình Phú	1	4	1,00	**60.000**
B	**Các tuyến còn lại**				
	Ngã ba gần chợ Đo Đo – Giáp Bình An	2	1	0,80	**48.000**
	Từ Nhà ông Long – Giáp Bình An	2	1	0,80	**48.000**
C	**Khu vực quanh chợ Đo Đo**	1	4	1,00	**60.000**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn	1	5	1,10	**55.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	5	1,00	**50.000**
	Các khu vực còn lại	2	3	1,10	**41.800**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,10	**55.000**
	Các đường liên thôn	1	5	0,90	**45.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	6	1,00	**40.000**
	Các khu vực còn lại	1	6	0,90	**36.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,00	**50.000**
	Các đường liên thôn	1	7	1,20	**42.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	7	1,10	**38.500**
	Các khu vực còn lại	2	6	1,10	**33.000**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất nông nghiệp**				

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Các đường liên xã còn lại	2	6	1,10	**44.000**
	Các đường liên thôn	2	7	1,10	**38.500**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,10	**30.800**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,20	**25.200**
I	**Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,00	**38.000**
	Các đường liên thôn	2	6	1,10	**33.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,00	**28.000**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,10	**23.100**
19	**XÃ BÌNH CHÁNH (TRUNG DU)**				
A	**Tuyến Kế Xuyên – Hà Châu (ĐH6)**				
	Giáp Bình Trung - ngã ba ra Bình quý (dưới UBND xã B/Chánh)	1	4	1,20	**72.000**
	Từ ngã ba ra Bình quý (dưới UBND xã B/Chánh) – phía Đông NT Liệt sỹ	1	2	0,90	**162.000**
	Phía Đông Nghĩa trang Liệt sỹ - Giáp Kênh chính Phú Ninh (giáp Bình Phú)	1	3	1,00	**120.000**
	Tuyến Ngọc Phô – Bình Chánh (ĐH10)				
	Từ cầu Khe Ngọc (Bình Tú) – giáp tuyến Kế Xuyên – Hà Châu	1	4	1,20	**72.000**
B	**Các tuyến còn lại**				
	Từ trường Mẫu giáo – giáp cầu Máng	2	1	0,90	**54.000**
	Từ ngã ba dưới UBND xã – kênh N14b	2	1	1,00	**60.000**
	Từ Cầu Bình Quý – Nhà ông Sơn	2	1	0,80	**48.000**
	Từ đường sắt giáp Bình Trung (kênh N14) – Bình Phú	1	5	1,00	**50.000**
	Từ bậc nước nhà ông Hợi theo kênh N16 – nhà ông Sơn (phía bắc kênh)	1	5	1,00	**50.000**
	Từ bậc nước nhà ông Hợi theo kênh N16 – nhà ông Sơn(phía nam kênh)	1	5	1,00	**50.000**
	Từ xiphông B.Quế theo kênh chính phú ninh giáp xiphông B.Quý	1	4	1,20	**72.000**
	Từ cổng trường Nguyễn Công Trứ - Thôn Long Hội	2	1	0,80	**48.000**
	Từ nhà ông Kỳ Tổ 3 Mỹ Trà - Giáp kênh N14A	2	1	0,80	**48.000**
C	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	4	1,00	**60.000**
	Các đường liên thôn	1	5	1,10	**55.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đường liên Tổ , liên xóm	1	5	1,00	**50.000**
	Các khu vực còn lại	2	3	1,10	**41.800**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,10	**55.000**
	Các đường liên thôn	1	5	0,90	**45.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	6	1,00	**40.000**
	Các khu vực còn lại	1	6	0,90	**36.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	1	5	1,00	**50.000**
	Các đường liên thôn	1	7	1,20	**42.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	1	7	1,10	**38.500**
	Các khu vực còn lại	2	6	1,10	**33.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	6	1,10	**44.000**
	Các đường liên thôn	2	7	1,10	**38.500**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,10	**30.800**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,20	**25.200**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,00	**38.000**
	Các đường liên thôn	2	6	1,10	**33.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	7	1,00	**28.000**
	Các khu vực còn lại	3	3	1,10	**23.100**
20	**XÃ BÌNH LÃNH (MN)**				
A	**Tuyến Quốc lộ 14E**				
	Ranh giới Bình Trị – Cầu 5	1	2	1,00	**120.000**
	Từ cầu 5 - Ngã 3 đường đi thôn 4 Bình Lãnh	1	1	0,72	**180.000**
	Ngã 3 ra thôn 4 B/Lãnh – tường rào phía tây Trường Hoàng Hoa Thám	1	1	1,20	**300.000**
	Tường rào phía tây Trường Hoàng Hoa Thám – ngã ba Gò Đình (thôn 1)	1	2	1,25	**150.000**
	Ngã ba Gò Đình (thôn 1) - Ranh giới xã Bình Lâm (Hiệp Đức)	1	2	1,00	**120.000**
	Tuyến Hà Châu – Bình Lãnh (ĐH7)				
	Giáp ranh giới Bình Trị - giáp đường vào đập Cao Ngạn	1	3	0,90	**54.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

B	**Các tuyến còn lại**				
	Từ Quốc Lộ 14E – Ông Nghĩa (Ngã tư Tổ 9)	1	3	0,80	**48.000**
C	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	1	1,10	**52.800**
	Các đường liên thôn	2	1	0,95	**45.600**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	2	1,00	**40.000**
	Các khu vực còn lại	2	3	1,00	**35.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	1	0,95	**45.600**
	Các đường liên thôn	2	2	1,00	**40.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,00	**35.000**
	Các khu vực còn lại	3	5	1,00	**31.000**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	2	1,00	**40.000**
	Các đường liên thôn	2	3	1,00	**35.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	1	1,00	**30.000**
	Các khu vực còn lại	3	2	0,90	**25.200**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,00	**35.000**
	Các đường liên thôn	3	1	1,00	**30.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	2	0,90	**25.200**
	Các khu vực còn lại	3	3	0,90	**21.600**
I	**Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	3	1	1,00	**30.000**
	Các đường liên thôn	3	2	0,90	**25.200**
	Đường liên Tổ , liên xóm	3	4	1,00	**20.000**
	Các khu vực còn lại	3	5	1,00	**16.000**
21	**XÃ BÌNH PHÚ (MN)**				
A	**Tuyến Kế Xuyên – Hà Châu (ĐH6)**				
	Giáp Bình Chánh - Phía Đông trường Lê Lợi	1	2	0,70	**84.000**
	Phía Đông trường Lê Lợi – Phía Tây trạm Y tế	1	2	0,80	**96.000**
	Phía Tây trạm Ytế - cống dưới cầu Hà Châu (gần nhà ông Trung)	1	1	0,80	**200.000**
	Giáp cống dưới cầu Hà Châu - Phía Nam cầu Hà Châu (gần nhà ông Khương)	1	1	1,00	**250.000**
	Tuyến Bình Quý – Tiên Sơn (ĐH8)				

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Giáp tuyến Kế Xuyên – Hà Châu - phía Nam chợ Hà Châu (nhà Nguyễn Kỳ)	1	1	0,90	**225.000**
	Phía Nam chợ Hà Châu - Cống phía Nam nhà ông Tôn	1	2	1,20	**144.000**
	Cống phía Nam nhà ông Tôn - Phía Nam Nghĩa trang LS	1	2	0,80	**96.000**
	Phía Nam NTLS – Ngã ba Phước Hà (đi Bình Quế)	1	2	0,70	**84.000**
	Ngã ba Phước Hà - Bình Quế (phía Tây nhà ông Biểu)	2	1	1,00	**60.000**
	Các đoạn còn lại của tuyến Bình Quý – Tiên Sơn	2	1	0,70	**42.000**
	Tuyến Bình An – Bình Phú (ĐH4)				
	Giáp ranh giới Bình Quế - giáp tuyến B/Quý-Tiên Sơn	1	2	0,70	**84.000**
	Các tuyến còn lại				
	Từ nhà ông Khương – Nhà ông Chức Tổ 13 Lý Trường	1	2	1,00	**120.000**
B	**Khu vực quanh chợ Hà Châu**	1	1	0,80	**200.000**
C	**Các khu vực nằm trong vị trí 1 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	1	1,10	**52.800**
	Các đường liên thôn	2	1	0,95	**45.600**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	2	1,00	**40.000**
	Các khu vực còn lại	2	3	1,00	**35.000**
D	**Các khu vực nằm trong vị trí 2 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	1	0,95	**45.600**
	Các đường liên thôn	2	2	1,00	**40.000**
	Đường liên Tổ , liên xóm	2	3	1,00	**35.000**
	Các khu vực còn lại	3	5	1,00	**31.000**
E	**Các khu vực nằm trong vị trí 3 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	2	1,00	**40.000**
	Các đường liên thôn	2	3	1,00	**35.000**
	Đường liên Tổ, liên xóm	3	1	1,00	**30.000**
	Các khu vực còn lại	3	2	0,90	**25.200**
G	**Các khu vực nằm trong vị trí 4 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	2	3	1,00	**35.000**
	Các đường liên thôn	3	1	1,00	**30.000**
	Đường liên Tổ, liên xóm	3	2	0,90	**25.200**
	Các khu vực còn lại	3	3	0,90	**21.600**
H	**Các khu vực nằm trong vị trí 5 đất nông nghiệp**				
	Các đường liên xã còn lại	3	1	1,00	**30.000**
	Các đường liên thôn	3	2	0,90	**25.200**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đường liên tổ, liên xóm	3	4	1,00	**20.000**
	Các khu vực còn lại	3	5	1,00	**16.000**

2- Giá đất ở tại đô thị:

2.1- Bảng giá chuẩn:

Loại đường	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
Đường loại 1	3.000.000	2.000.000	800.000	400.000
Đường loại 2	2.200.000	1.200.000	500.000	280.000
Đường loại 3	1.200.000	600.000	300.000	160.000
Đường loại 4	700.000	350.000	150.000	100.000
Đường loại 5	350.000	200.000	100.000	80.000

2.2- Bảng giá đất ở đô thị chi tiết: (Thị trấn Hà Lam)

TT	Ranh giới, vị trí	Loại đường	Vị trí	Hệ số	Giá năm 2011
1	**Đường ĐT613 (QL14E)**				
	Từ ngã tư Hà Lam - Hết nhà ông Tám	1	1	0,84	**2.520.000**
	Hết nhà ông Tám-Hết khu dân cư nhóm nhà số 1	1	2	1,00	**2.000.000**
	Hết khu dân cư Nhóm nhà số 1 – Ranh giới Bình Phục	1	3	0,90	**720.000**
2	**Quốc lộ 1A**				
	Từ kênh N_{22} – phía bắc Công ty May Quảng Nam	1	1	0,84	**2.520.000**
	Từ phía bắc công ty May Quảng Nam -hết nhà ông Ngấn	1	1	0,90	**2.700.000**
	Hết nhà ông Ngấn - Kênh N_{20}	1	2	0,95	**1.900.000**
	Kênh N_{20}- Giáp nhà ông Gương (ngoài cây cốc)	1	3	1,00	**800.000**
	Nhà ông Gương - Kênh N_{20-2}	1	3	1,15	**920.000**
3	**Đường ĐT613 (Nội thị Hà Lam)**				
	Từ ngã tư Hà Lam – Hết nhà ông Mân	1	1	1,20	**3.600.000**
	Hết nhà ông Mân - Ngã ba huyện Uỷ	1	1	1,00	**3.000.000**
	Ngã ba huyện Uỷ - Đường vào phòng Giáo dục	1	1	0,90	**2.700.000**
	Đường vào phòng Giáo dục - Giáp đường 3/2	1	2	1,00	**2.000.000**
	Giáp đường 3/2 - Cống Tư thiết	1	2	0,70	**1.400.000**
	Cống Tư Thiết - Quốc Lộ 14E	1	3	1,03	**820.000**
4	**Đường vào chợ Hà Lam**				
	Từ đường 613 - đường quanh chợ (cổng chính)	2	1	1,10	**2.420.000**

	Đường vào chợ mới (cổng phụ gần nhà ông Mân)	2	1	1,10	**2.420.000**
5	**Đường quanh chợ Hà Lam (cũ)**	2	1	0,90	**1.980.000**
6	**Khu vực quanh chợ Hà Lam (mới)**	2	1	0,95	**2.090.000**
7	**Đường 16C**				
	Đường 613 nối dài - Chùa Giác Nguyên	2	2	1,15	**1.380.000**
	Chùa Giác Nguyên – Kênh N_{20}	2	2	0,85	**1.020.000**
	Kênh N_{20} - Quốc Lộ 14E	2	3	1,20	**600.000**
8	**Đường Quốc lộ 14E**				
	Quốc lộ 1A (Cây Cốc) – đường ra Nhà Văn hoá	1	3	1,10	**880.000**
	Đường ra Nhà văn hoá - hết nhà BSỹ Xô	1	3	0,75	**600.000**
	Hết nhà BS Sô - giáp đương 613 nối dài	1	4	1,00	**400.000**
9	**Đường Bắc Hà Lam**				
	Quốc lộ 1A - hết nhà ông Thuyết	2	1	0,90	**1.980.000**
	hết nhà ông Thuyết - Hết bà Ngân	2	2	0,90	**1.080.000**
	Giáp nhà bà Ngân - Sân vận động (gần Đài nước)	2	3	1,20	**600.000**
10	**Đường 3 tháng 2**				
	Từ đường 613 - giáp đường 16C	2	2	0,70	**840.000**
	Đường 16C - Giáp đường Bêtông gần nhà ông Tòng	2	3	1,20	**600.000**
	Các đoạn còn lại	2	4	1,10	**308.000**
11	Đường Thanh Niên Quốc lộ 1A (cầu bà Sim) - đường 16C	2	2	1,00	**1.200.000**
12	**Khu vực quanh Bến xe Hà Lam**	2	2	1,15	**1.380.000**
13	**Các đường nằm trong cụm CN Nam Hà Lam**	4	2	0,90	**270.000**
14	**Tuyến ĐT613 - Bình Nguyên (ĐH 16)**				
	Đường nhà máy đèn (quán sửa xe ông Thân) – Giáp đường Bắc Hà Lam	3	2	1,20	**720.000**
	Từ đường Bắc Hà Lam - Giáp Bình Nguyên	3	2	0,80	**480.000**
15	**Khu dân cư Lưu Minh**				
	Khu A: Từ lô số 1- lô 23	2	1	1,00	**2.200.000**
	Khu A: Từ lô 24- lô 58	2	1	0,75	**1.650.000**
	Khu B: Từ lô 1 - lô 65 và toàn bộ khu C	2	1	0,70	**1.540.000**
15	**Các đường còn lại**				
	Đường vào Ba Ra Hà Kiều : Từ 613 nối dài - Ba Ra	2	1	1,05	**1.260.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Hà Kiều				
	Đường ĐT từ 613 nối dài (gần nhà ông Chín Rađiô, trước nhà văn hoá - giáp đường Bắc Hà Lam	2	3	1,20	**600.000**
	Đường từ Quốc lộ 1A (gần nhà ông Ngấn) - Hết đường nhựa (ngã ba)	1	3	1,00	**800.000**
	Hết đường nhựa (ngã ba) - Giáp đường Thanh niên (gần nhà ông Thông)	3	3	1,15	**345.000**
	Đường từ nhà ông Vĩnh – giáp đường Bắc Hà Lam (chợ mới Hà Lam)	3	2	1,20	**720.000**
	Đường quanh chợ mới Hà Lam (gần nhà ông Thuỷ) - Giáp đường bắc Hà Lam	3	2	1,20	**720.000**
	Đường ĐT 613 (gần nhà ông Dương) - Giáp đường Bắc Hà Lam	4	2	1,10	**385.000**
	Đường ngã tư Tân Văn - Khu vui chơi Hà Kiều -giáp đường 613 nối dài (ĐH16)	2	2	0,75	**900.000**
	Đường từ giáp đường nhà máy đèn (quán sửa xe ông Thân) - giáp đường quanh chợ Hà Lam	2	3	1,00	**500.000**
	Đường giáp ĐT 613 (ngã ba gần Tài chính cũ) - Hết nhà bà Vinh	2	2	0,90	**1.080.000**
	Cống gần nhà ông Tứ - giáp kênh N_{22} (nhà thầy Thám)	4	2	0,70	**245.000**
	Đường từ Nhà ông Năm – Kênh N_{22}	5	2	1,00	**200.000**
	Đường từ ngã ba Chi Cục thuế - hết nhà ông Anh	3	2	0,85	**510.000**
	Đường vào HTX1 TTHà Lam (gần nhà ông Lợi)	4	2	1,00	**350.000**
	Đường từ ĐT 613 nối dài – phòng Giáo dục	4	2	1,00	**350.000**
	Đường từ Ngã ba Toà án cũ - giáp Kênh N_{22}	3	2	0,85	**510.000**
	Giáp Kênh N_{22} - Giáp Bình Quý	3	3	0,70	**210.000**
	Trước tập thể Ngân hàng cũ - giáp phía tây chợ Hà Lam cũ	4	2	1,00	**350.000**
	Đường phía đông chợ cũ Hà Lam - giáp đường Tân Văn Khu Hà kiều.	4	2	1,00	**350.000**
	Đường trước UBND Thị Trấn Hà Lam - giáp đường ĐT 613 (cây Me vào)	4	2	1,00	**350.000**
	Đường từ ĐT 613(gần cây me) - Nhà ông Hựu	4	2	0,90	**315.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần nhà ông Đường) - Giáp đườngĐT 613 (gần cây me) đi vào.	4	2	0,90	**315.000**
	Đường từ đường 16C- Trung Tâm Chính trị	3	2	0,75	**450.000**
	Đường Từ nhà ông Ngạt - giáp 16C	4	2	1,20	**420.000**

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

	Đường từ Cổng làng văn hoá Khu phố 3 - Giáp đường 3/2	4	2	0,70	**245.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần nhà Ông Hậu) - Kênh N_{22}	4	2	1,00	**350.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần hiệu giày Trung) - Giáp đường bắc Hà Lam	3	3	1,00	**300.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần xe máy Nhật Tân) - Giáp đường Thanh Niên	3	3	1,00	**300.000**
	Nhà ông Tòng - giáp đường 3/2	3	3	0,80	**240.000**
	Đường từ ĐT 613(gần nhà ông Đô) - giáp Quốc lộ 1A	4	2	0,70	**245.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần nhà ông Diêu) - hết nhà ông Hùng	5	2	1,20	**240.000**
	Từ nhà ông Hùng – Giáp Ba Ra Hà Kiều	5	2	1,00	**200.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần nhà ông Tân) – Nhà bà Phượng	5	2	1,20	**240.000**
	Nhà bà Phượng – Ba Ra Hà Kiều	5	2	1,00	**200.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần nhà ông Công) – Nhà bà Thế	5	2	1,00	**200.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần nhà bà Hối) – Nhà ông Mẫn	5	2	1,00	**200.000**
	Đường từ ĐT 613 (gần nhà ông Được) – Nhà ông Tùng	5	2	1,00	**200.000**
	Đường từ 16c (gần nhà bà Lời) - Hết nhà ông Cẫn (ytế)	5	2	1,00	**200.000**
	Đường từ 3/2 (gần nhà Bà Huỳnh) - đến nhà bà Lực	5	2	1,00	**200.000**
16	Các đường còn lại của Thị Trấn Hà Lam (phía Bắc kênh N_{20})	5	2	0,70	**140.000**
17	Các đường còn lại của Thị Trấn Hà Lam (phía Nam kênh N_{20})	5	3	1,20	**120.000**
18	**Các khu dân cư còn lại**	5	3	1,00	**100.000**